

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2022

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

1. Tên Tổ chức phát hành: Công ty cổ phần Điện Nước An Giang.
2. Tên tiếng Anh: An Giang Power And Water Supply Joint Stock Company.
3. Trụ sở chính: Số 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang.
4. Điện thoại: 0296.3856100 Fax: 0296.3857800.

Nội dung thông tin công bố:

Công ty cổ phần Điện Nước An Giang xin công bố thông tin Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2022 đã được kiểm toán.

(đính kèm Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2022 và
công văn giải trình thay đổi lợi nhuận sau thuế)

Thông tin được đăng trên trang thông tin điện tử: www.diennuocag.com.vn (mục quan hệ cổ đông).

Công ty cổ phần Điện Nước An Giang xin công bố thông tin đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội được rõ.

Trân trọng!

CÔNG TY CP ĐIỆN NƯỚC AG
CHỦ TỊCH HĐQT

Nơi nhận :

- Như trên;
- Lưu : KH-KD./.



Lương Văn Bạ

Số: 29 /CTCPĐN-CBTT

An Giang, ngày 15 tháng 8 năm 2022

V/v giải trình thay đổi lợi nhuận sau thuế
TNDN trên 10% của Báo cáo tài chính giữa niên độ năm 2022

Kính gửi : - Ủy ban Chứng khoán nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 14 của Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Công ty cổ phần Điện Nước An Giang (sau đây gọi tắt là Công ty) xin báo cáo giải trình nguyên nhân thay đổi lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trên 10% như sau:

Theo Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu năm 2022 đã được kiểm toán, lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty là 54.352.938.585 đồng, so với lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của 6 tháng đầu năm 2021 giảm 27.673.312.766 đồng, # 33,74 %.

Nguyên nhân : Trong 6 tháng đầu năm nay, Công ty đã đưa vào quyết toán bổ sung các công trình điện nước thực hiện trong quý 4/2021 (thực hiện và chưa quyết toán kịp trong năm).

Chi phí quản lý (đặc biệt là chi phí xăng dầu công tác tăng 35%); chi phí nguyên vật liệu sản xuất, chi phí cải tạo, sửa chữa, chi phí lắp đặt đồng hồ điện nước tăng mạnh tăng làm tăng tổng chi phí của Công ty.

Từ nguyên nhân trên, dẫn đến lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty trong 6 tháng đầu năm 2022 biến động giảm trên 10 % so với thực hiện 6 tháng đầu năm năm 2021.

Trên đây là ý kiến giải trình về thay đổi lợi nhuận sau thuế TNDN trên 10% của Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu năm 2022, Công ty xin báo cáo Ủy ban Chứng khoán nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Trân trọng kính chào!

**CÔNG TY CP ĐIỆN NƯỚC AN GIANG
CHỦ TỊCH HĐQT**

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, KH-KD./.



Luong Van Ba
Lương Văn Bạ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC
NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Hội đồng quản trị	2 - 4
3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	5
4. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2022	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	13 - 36
8. Phụ lục	37 - 38

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Điện nước An Giang (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Khái quát về Công ty

Công ty là Công ty cổ phần được thành lập theo Quyết định số 1424/QĐ-UBND ngày 04 tháng 8 năm 2010 của Ủy ban Nhân dân tỉnh An Giang về việc phê duyệt phương án và cổ phần hóa Công ty Điện nước An Giang. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 1600249791, đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 3 năm 2011, đăng ký thay đổi lần thứ 07 ngày 01 tháng 11 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang
- Điện thoại : (0296) 3.856.100
- Fax : (0296) 3.857.800

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Xí nghiệp Điện nước huyện Tịnh Biên	Khóm Hòa Hưng – thị trấn Nhà Bàng – huyện Tịnh Biên – tỉnh An Giang
Xí nghiệp Điện nước huyện Châu Thành	Quốc lộ 91 – thị trấn An Châu – huyện Châu Thành – tỉnh An Giang
Xí nghiệp Điện nước huyện Phú Tân	Áp Thượng 3 – thị trấn Phú Mỹ – huyện Phú Tân – tỉnh An Giang
Xí nghiệp Điện nước thị xã Tân Châu	Khóm Long Hưng – thị xã Tân Châu – tỉnh An Giang
Xí nghiệp Điện nước huyện An Phú	Áp 4 – thị trấn An Phú – huyện An Phú – tỉnh An Giang
Xí nghiệp Điện nước huyện Thoại Sơn	Áp Bắc Sơn – thị trấn Núi Sập – huyện Thoại Sơn – tỉnh An Giang
Xí nghiệp Điện nước TP. Châu Đốc	01 Quang Trung – phường Châu Phú A – TP. Châu Đốc – tỉnh An Giang
Xí nghiệp Điện nước huyện Tri Tôn	Áp Tô Thủy – xã Núi Tô – huyện Tri Tôn – tỉnh An Giang
Xí nghiệp Cấp nước TP. Long Xuyên	31/1 Trần Hưng Đạo – phường Mỹ Xuyên – TP. Long Xuyên – tỉnh An Giang
Xí nghiệp Điện nước huyện Chợ Mới	Áp Long Hòa – thị trấn Chợ Mới – huyện Chợ Mới – tỉnh An Giang
Xí nghiệp Điện nước huyện Châu Phú	Áp Vĩnh Phú – xã Vĩnh Thạnh Trung – huyện Châu Phú – tỉnh An Giang
Xí nghiệp Xây lắp Điện nước	Quốc lộ 91 – phường Bình Đức – TP. Long Xuyên – tỉnh An Giang

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Phân phối, truyền tải điện;
- Kinh doanh khách sạn;
- Lắp đặt hệ thống bơm, ống nước; xây dựng các công trình xử lý cấp thoát nước và mạng đường ống cấp thoát nước;
- Xây dựng công trình giao thông;
- Sản xuất phân phối nước sạch; khai thác và sản xuất nước khoáng;
- Mua bán vật tư, thiết bị điện, nước;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

- San lấp mặt bằng;
- Mua bán nông sản; mua bán lương thực;
- Bán buôn thực phẩm;
- Chế biến thủy sản;
- Xây dựng công trình dân dụng; xây dựng đường dây điện; xây dựng trạm bơm;
- Nuôi trồng thủy sản nội địa;
- Kinh doanh nhà hàng;
- Kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê;
- Lắp đặt đường dây trung thế từ 15 – 35 KV và đường dây hạ thế, trạm biến áp từ 15 – 3.000 KVA; lắp đặt hệ thống điện dân dụng và công nghiệp; lắp đặt điện trong nhà; Giám sát công tác lắp đặt đường dây và trạm biến áp;
- Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp; đầu tư xây dựng khách sạn; đầu tư xây dựng các khu vui chơi giải trí; kinh doanh các khu vui chơi giải trí; đầu tư xây dựng nhà hàng ;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng.

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Lương Văn Bạ	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2021
Ông Lê Việt Anh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2021
Ông Lê Thành Bửu	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2021
Ông Trần Thanh Hoàng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2021
		Miễn nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2022
Ông Lâm Thành Quang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2021
Ông Trần Nhất Trí	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2021
Ông Nguyễn Tuấn Huy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2021
Ông Trương Văn Nghiệm	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2022

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Nguyễn Thị Ngọc Châu	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2021
Ông Châu Minh Tú	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2021
Ông Trần Lê Minh Hoan	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2021

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Lê Việt Anh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2021
Ông Trần Nhất Trí	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2021
Ông Nguyễn Thanh Xuân	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2021
Ông Trương Văn Nghiệm	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 02 năm 2022

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Lương Văn Bạ - Chủ tịch Hội đồng quản trị (bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2021).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu so với những Chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ Chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Hội đồng quản trị, 



Lương Văn Bạ
Chủ tịch

Ngày 11 tháng 8 năm 2022

Số: 4.0221/22/TC-AC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Điện nước An Giang (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 09 tháng 8 năm 2022, từ trang 06 đến trang 38, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Cần Thơ



Nguyễn Hữu Danh - Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1242-2018-008-1

TP. Cần Thơ, ngày 11 tháng 8 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		377.343.943.108	349.874.244.452
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	21.871.588.147	3.323.687.141
1. Tiền	111		21.871.588.147	3.323.687.141
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		43.840.000.000	43.840.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	43.840.000.000	43.840.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		242.695.715.391	237.741.316.413
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	213.369.453.494	199.673.192.687
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	21.042.763.134	21.401.290.043
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	8.788.200.244	17.220.699.201
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(504.701.481)	(553.865.518)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		40.204.437.922	46.983.353.222
1. Hàng tồn kho	141	V.7	40.204.437.922	46.983.353.222
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		28.732.201.648	17.985.887.676
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	28.710.992.806	17.985.887.676
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	21.208.842	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.171.954.577.850	1.184.949.673.760
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		1.008.747.764.220	1.014.725.561.559
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	991.820.201.026	997.757.761.676
- Nguyên giá	222		1.946.000.216.512	1.902.722.044.304
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(954.180.015.486)	(904.964.282.628)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	16.927.563.194	16.967.799.883
- Nguyên giá	228		17.984.626.827	17.984.626.827
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.057.063.633)	(1.016.826.944)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		25.280.552.910	39.520.613.632
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	25.280.552.910	39.520.613.632
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		5.584.040.000	5.584.040.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	84.040.000	84.040.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2a	5.500.000.000	5.500.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		132.342.220.720	125.119.458.569
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	132.342.220.720	125.119.458.569
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.549.298.520.958	1.534.823.918.212

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		768.034.159.594	712.370.778.933
I. Nợ ngắn hạn	310		360.477.843.670	282.183.037.523
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	64.017.148.575	46.508.751.062
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	653.109.777	583.286.677
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	14.936.204.191	25.414.017.355
4. Phải trả người lao động	314	V.15	7.770.296.141	17.622.223.450
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	93.818.405.970	80.555.333.391
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17a	121.866.252.880	46.328.452.995
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18a	45.063.759.168	51.242.196.851
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	12.352.666.968	13.928.775.742
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		407.556.315.924	430.187.741.410
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.17b	135.305.667.898	135.305.667.898
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18b	261.021.688.614	284.327.570.970
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.20	10.828.959.412	10.154.502.542
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	V.21	400.000.000	400.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		781.264.361.364	822.453.139.279
I. Vốn chủ sở hữu	410		781.264.361.364	822.453.139.279
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.22a	563.295.670.000	563.295.670.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		563.295.670.000	563.295.670.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.22a	99.866.089.232	96.307.089.232
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.22a	80.052.774.732	124.800.552.647
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		39.549.836.147	124.800.552.647
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		40.502.938.585	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422	V.22a	38.049.827.400	38.049.827.400
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.549.298.520.958	1.534.823.918.212

An Giang, ngày 09 tháng 8 năm 2022



Dương Quốc Quân
Người lập



Trần Việt Hải
Kế toán trưởng




Lương Văn Bạ
Chủ tịch Hội đồng quản trị

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.032.951.375.190	1.015.531.295.297
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.032.951.375.190	1.015.531.295.297
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	848.981.219.108	809.274.727.242
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		183.970.156.082	206.256.568.055
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	650.030.873	2.014.094.131
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	12.912.335.305	7.448.826.819
Trong đó: chi phí lãi vay	23		12.912.335.305	7.448.826.819
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	72.512.732.693	71.356.426.187
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	33.735.185.186	30.172.411.600
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		65.459.933.771	99.292.997.580
11. Thu nhập khác	31	VI.7	4.515.327.927	6.708.158.583
12. Chi phí khác	32	VI.8	1.957.590.228	3.441.702.162
13. Lợi nhuận khác	40		2.557.737.699	3.266.456.421
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		68.017.671.470	102.559.454.001
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.14	12.990.276.015	18.290.796.928
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.9	674.456.870	2.242.405.722
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>54.352.938.585</u>	<u>82.026.251.351</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10a	<u>807</u>	<u>1.173</u>
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10a	<u>807</u>	<u>1.173</u>

An Giang, ngày 09 tháng 8 năm 2022

Dương Quốc Quân
Người lậpTrần Việt Hải
Kế toán trưởngLương Văn Bạ
Chủ tịch Hội đồng quản trị

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**(Dạng đầy đủ)****(Theo phương pháp gián tiếp)****6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		68.017.671.470	102.559.454.001
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9, V.10	49.504.472.421	42.839.647.422
- Các khoản dự phòng	03	V.6	(49.164.037)	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(612.275.862)	(2.002.368.919)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	12.912.335.305	7.448.826.819
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		129.773.039.297	150.845.559.323
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(5.108.417.921)	(64.366.078.000)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		7.242.012.274	7.762.388.241
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(4.586.651.167)	47.534.191.717
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(17.947.867.281)	(21.844.353.107)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(13.912.144.383)	(8.373.224.677)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.14	(5.840.541.066)	(6.194.971.152)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.20	(12.623.474.774)	(15.805.795.237)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		76.995.954.979	89.557.717.108
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.9, V.11	(29.749.711.334)	(90.129.753.253)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5, VI.3	794.250.000	1.864.889.358
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(28.955.461.334)	(88.264.863.895)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.18a, b	25.485.064.413	51.499.101.130
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.18a	(54.969.384.452)	(50.084.339.629)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.22d	(8.272.600)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(29.492.592.639)	1.414.761.501
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		18.547.901.006	2.707.614.714
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	3.323.687.141	70.892.363.426
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	21.871.588.147	73.599.978.140

An Giang, ngày 09 tháng 8 năm 2022

Dương Quốc Quân
Người lập

Trần Việt Hải
Kế toán trưởng



Lương Văn Bạ
Chủ tịch Hội đồng quản trị

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Điện nước An Giang (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, kinh doanh thương mại và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Phân phối, truyền tải điện; Sản xuất phân phối nước sạch.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân

Tên đơn vị

Địa chỉ

Xí nghiệp Điện nước huyện Tịnh Biên	Khóm Hòa Hưng – thị trấn Nhà Bàng – huyện Tịnh Biên – tỉnh An Giang
Xí nghiệp Điện nước huyện Châu Thành	Quốc lộ 91 – thị trấn An Châu – huyện Châu Thành – tỉnh An Giang
Xí nghiệp Điện nước huyện Phú Tân	Áp Thượng 3 – thị trấn Phú Mỹ – huyện Phú Tân – tỉnh An Giang
Xí nghiệp Điện nước thị xã Tân Châu	Khóm Long Hưng – thị xã Tân Châu – tỉnh An Giang
Xí nghiệp Điện nước huyện An Phú	Áp 4 – thị trấn An Phú – huyện An Phú – tỉnh An Giang
Xí nghiệp Điện nước huyện Thoại Sơn	Áp Bắc Sơn – thị trấn Núi Sập – huyện Thoại Sơn – tỉnh An Giang
Xí nghiệp Điện nước thị xã Châu Đốc	01 Quang Trung – phường Châu Phú A – TP. Châu Đốc – tỉnh An Giang
Xí nghiệp Điện nước huyện Tri Tôn	Áp Tô Thủy – xã Núi Tô – huyện Tri Tôn – tỉnh An Giang
Xí nghiệp Cấp nước TP. Long Xuyên	31/1 Trần Hưng Đạo – phường Mỹ Xuyên – TP. Long Xuyên – tỉnh An Giang
Xí nghiệp Điện nước huyện Chợ Mới	Áp Long Hòa – thị trấn Chợ Mới – huyện Chợ Mới – tỉnh An Giang
Xí nghiệp Điện nước huyện Châu Phú	Áp Vĩnh Phú – xã Vĩnh Thạnh Trung – huyện Châu Phú – tỉnh An Giang
Xí nghiệp Xây lắp Điện nước	Quốc lộ 91 – phường Bình Đức – TP. Long Xuyên – tỉnh An Giang

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, xóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính giữa niên độ

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 1.390 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 1.417 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc kỳ kế toán nhân với tỷ lệ vốn điều lệ của Công ty so với tổng vốn điều lệ thực góp tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí lắp đặt thủy kế, điện kế, chi phí cải tạo sửa chữa lớn và chi phí đền bù san lấp mặt bằng đất thuê. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí lắp đặt thủy kế, điện kế

Chi phí lắp đặt thủy kế, điện kế được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ trong 03 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Chi phí cải tạo sửa chữa lớn

Chi phí cải tạo sửa chữa lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 02 năm.

Chi phí đền bù san lấp mặt bằng đất thuê

Chi phí đền bù san lấp mặt bằng đất thuê được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với số năm sử dụng đất.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	03 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn sử dụng, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

11. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được thành lập nhằm tạo nguồn tài chính đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Công ty.

12. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản

Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản phản ánh số hiện có và tình hình tăng, giảm nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản của Công ty. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản của Công ty được hình thành do Ngân sách cấp hoặc đơn vị cấp trên cấp. Vốn đầu tư xây dựng cơ bản của Công ty được dùng cho việc đầu tư xây dựng mới, cải tạo, mở rộng cơ sở sản xuất, kinh doanh và mua sắm tài sản cố định để đổi mới công nghệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định trong đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định trong đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

16. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính giữa niên độ và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	22.810.852	14.125.698
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	21.848.777.295	3.309.561.443
Cộng	21.871.588.147	3.323.687.141

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	43.840.000.000	43.840.000.000	43.840.000.000	43.840.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn từ 06 đến 12 tháng	43.840.000.000	43.840.000.000	43.840.000.000	43.840.000.000
Dài hạn	5.500.000.000	5.500.000.000	5.500.000.000	5.500.000.000
Trái phiếu có kỳ hạn 10 năm	5.500.000.000	5.500.000.000	5.500.000.000	5.500.000.000
Cộng	49.340.000.000	49.340.000.000	49.340.000.000	49.340.000.000

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				
Công ty Cổ phần Tư vấn Cấp thoát nước và Môi trường ⁽ⁱ⁾	84.040.000	-	84.040.000	-
Cộng	84.040.000	-	84.040.000	-

- (i) Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Tư vấn Cấp thoát nước và Môi trường 10.000 cổ phiếu, tương đương 0,08% vốn điều lệ.

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các khách hàng khác		
Phải thu khách hàng tiền điện	139.760.171.539	128.279.968.971
Phải thu khách hàng tiền nước	49.894.404.720	47.064.004.264
Phải thu các khách hàng khác	23.714.877.235	24.329.219.452
Cộng	213.369.453.494	199.673.192.687

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước cho các người bán khác		
Ông Lê Trung Liệt	-	2.200.500.000
Công ty TNHH Đầu tư Công nghệ NG	796.439.431	-
Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Điện nước Trường Thịnh	824.223.000	170.450.896
Công ty TNHH Xây dựng Hiệp Lợi	733.009.018	436.748.019

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Tuấn Tài	485.100.000	-
Các nhà cung cấp khác	18.203.991.685	18.593.591.128
Cộng	21.042.763.134	21.401.290.043

5. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>				
Kho bạc Nhà nước An Giang - Chi phí quản lý dự án	117.356.000	-	235.667.126	-
Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	2.274.897.097	-	2.456.871.235	-
Phải thu người lao động - tiền thuế thu nhập cá nhân, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	786.180.487	-	820.061.430	-
Tạm ứng	2.853.857.048	-	3.453.840.194	-
Ủy ban nhân dân thành phố Châu Đốc - Phải thu tiền hỗ trợ di dời nhà máy nước Châu Đốc	-	-	8.000.000.000	-
Các khoản phải thu khác	2.755.909.612	-	2.254.259.216	-
Cộng	8.788.200.244	-	17.220.699.201	-

6. Nợ xấu

	<u>Số cuối kỳ</u>			<u>Số đầu năm</u>		
	<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị có thể thu hồi</u>	<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị có thể thu hồi</u>
<i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>						
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác - Tiền điện, nước	Trên 03 năm	504.701.481	-	Trên 03 năm	553.865.518	-
Cộng		504.701.481	-		553.865.518	-

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	553.865.518	-
Hoàn nhập dự phòng	(49.164.037)	-
Số cuối năm	504.701.481	-

7. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Nguyên liệu, vật liệu	4.716.760.201	-	4.595.121.049	-
Công cụ, dụng cụ	431.383.775	-	406.867.910	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh	583.145.523	-	704.238.410	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
dờ dang				
Hàng hóa	29.363.436.104	-	36.193.825.115	-
Hàng gửi đi bán	5.109.712.319	-	5.083.300.738	-
Cộng	40.204.437.922	-	46.983.353.222	-

8. Chi phí trả trước**8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.952.361.488	1.165.679.541
Chi phí vật tư sửa chữa thay thế	26.758.631.318	16.771.938.382
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	-	48.269.753
Cộng	28.710.992.806	17.985.887.676

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí lắp đặt điện kế	45.938.881.989	44.997.548.349
Chi phí lắp đặt thủy kế	54.060.514.429	56.148.863.618
Chi phí cải tạo sửa chữa lớn	11.755.316.819	8.599.561.931
Chi phí đền bù san lấp mặt bằng đất thuê	18.532.433.681	14.543.814.263
Các chi phí trả trước dài hạn khác	2.055.073.802	829.670.408
Cộng	132.342.220.720	125.119.458.569

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	275.594.476.981	1.619.775.122.183	2.311.058.068	5.041.387.072	1.902.722.044.304
Mua trong kỳ	-	23.792.186.200	-	-	23.792.186.200
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	20.197.585.856	-	-	20.197.585.856
Giảm do kết chuyển sang hàng hóa	-	(711.599.848)	-	-	(711.599.848)
Số cuối kỳ	275.594.476.981	1.663.053.294.391	2.311.058.068	5.041.387.072	1.946.000.216.512
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	23.687.555.693	300.952.462.611	1.493.521.338	1.926.226.163	328.059.765.805
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	111.029.072.425	789.939.538.008	1.718.395.077	2.277.277.118	904.964.282.628
Khấu hao trong kỳ	5.881.953.770	43.411.709.672	52.542.780	118.029.510	49.464.235.732
Giảm do kết chuyển sang hàng hóa	-	(248.502.874)	-	-	(248.502.874)
Số cuối kỳ	116.911.026.195	833.102.744.806	1.770.937.857	2.395.306.628	954.180.015.486

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	164.565.404.556	829.835.584.175	592.662.991	2.764.109.954	997.757.761.676
Số cuối kỳ	158.683.450.786	829.950.549.585	540.120.211	2.646.080.444	991.820.201.026

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 219.133.106.570 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay tại các Ngân hàng (xem thuyết minh V.18b).

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	16.638.654.100	1.345.972.727	17.984.626.827
Số cuối kỳ	16.638.654.100	1.345.972.727	17.984.626.827
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	189.900.000	189.900.000
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	1.016.826.944	1.016.826.944
Khấu hao trong kỳ	-	40.236.689	40.236.689
Số cuối kỳ	-	1.057.063.633	1.057.063.633
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	16.638.654.100	329.145.783	16.967.799.883
Số cuối kỳ	16.638.654.100	288.909.094	16.927.563.194

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Số cuối kỳ
Xây dựng cơ bản dở dang				
- Công trình hệ thống cấp nước xã An Phú, huyện Tịnh Biên	12.139.908.677	-	(12.139.908.677)	-
- Công trình hệ thống thoát nước và xử lý nước thải TP. Long Xuyên	8.450.950.171	-	-	8.450.950.171
- Công trình lắp đặt, cấy mới các trạm biến áp	2.572.338.311	777.708.000	(469.596.000)	2.880.450.311
- Các công trình khác	16.357.416.473	5.179.817.134	(7.588.081.179)	13.949.152.428
Cộng	39.520.613.632	5.957.525.134	(20.197.585.856)	25.280.552.910

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>		
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cấp thoát nước (Waseco)	222.750.000	7.537.917.776
Công ty Điện lực An Giang	40.000.000.000	28.665.161
Các nhà cung cấp khác	23.794.398.575	38.942.168.125
Cộng	<u>64.017.148.575</u>	<u>46.508.751.062</u>

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>		
Ông Lo Vinh Huy	202.959.000	202.959.000
Bà Nguyễn Ngọc Huệ	114.000.000	114.000.000
Ông Phạm Minh Hiền	116.044.000	116.044.000
Ông Đỗ Minh Trí	80.000.000	80.000.000
Ông Hàng Thanh Nhân	109.380.000	50.000.000
Các khách hàng khác	30.726.777	20.283.677
Cộng	<u>653.109.777</u>	<u>583.286.677</u>

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chi tiết về thuế và các khoản phải nộp Nhà nước được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Nước bán cho Khu công nghiệp của huyện Châu Thành	0%
- Nước sinh hoạt	5%
- Điện, lắp đặt, cải tạo điện kế, bán vật tư điện, ...	10%
- Các dịch vụ khác	10%

Từ ngày 01 tháng 02 năm 2022 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng 8% đối với các nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng mức thuế suất 10% theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 1 Nghị định số 15/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (cùng kỳ năm trước thuế suất là 20%).

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	68.017.671.470	102.559.454.001
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	51.098.505.669	45.767.185.505
- Các khoản điều chỉnh giảm	(54.144.797.063)	(56.852.654.865)
Thu nhập chịu thuế	64.971.380.076	91.473.984.641
Thu nhập được miễn thuế	(20.000.000)	(20.000.000)
Thu nhập tính thuế	64.951.380.076	91.453.984.641
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	12.990.276.015	18.290.796.928

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước với giá tính thuế như sau:

- Nước mặt: 4.000 VND/m³ và 5.500 VND/m³ với thuế suất 1%;
- Nước dưới đất: 5.500 VND/m³ với thuế suất là 5%.

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất cho các khu đất đang sử dụng với mức tiền thuê như sau:

<u>Vị trí đất</u>	<u>Diện tích (m²)</u>	<u>Mức tiền thuê (VND/m²/năm)</u>
- Phường Châu Phú B, TP. Châu Đốc, tỉnh An Giang	113	93.800
- 80/5 Bùi Văn Danh, phường Mỹ Xuyên, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang	373,6	159.117
- Xã Phú Thọ, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang	226,7	1.654
- Xã Núi Tô, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang	226,7	1.216

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

15. Phải trả người lao động

Là tiền lương còn phải trả người lao động.

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các tổ chức khác</i>		
Chi phí lãi vay phải trả	609.377.768	760.794.032
Chi phí tiền điện phải trả	93.209.028.202	79.794.539.359
Cộng	93.818.405.970	80.555.333.391

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

17. Phải trả khác

17a. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>		
Tài sản thừa chờ giải quyết	-	155.300.820
Kinh phí công đoàn	581.189.431	1.132.848.220
Lãi vay phải trả	5.090.357.899	5.938.750.713
Cổ tức phải trả	84.765.594.700	279.516.800
Lãi chậm nộp cổ tức phần vốn Nhà nước ⁽ⁱ⁾	8.966.000.000	8.966.000.000
Phải trả về tiền bán cổ phần vốn Nhà nước	-	408.102.582
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	<u>22.463.110.850</u>	<u>29.447.933.860</u>
Cộng	<u>121.866.252.880</u>	<u>46.328.452.995</u>

⁽ⁱ⁾ Khoản tiền lãi chậm nộp cổ tức phần vốn Nhà nước theo Công văn số 1196/STC-TCDN ngày 22 tháng 6 năm 2015 của Sở Tài chính tỉnh An Giang “V/v chậm nộp tiền cổ tức phần vốn Nhà nước đầu tư tại Doanh nghiệp”.

17b. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các tổ chức khác</i>		
Phải trả Ngân sách Nhà nước ^(*)	<u>135.305.667.898</u>	<u>135.305.667.898</u>
Cộng	<u>135.305.667.898</u>	<u>135.305.667.898</u>

^(*) Trong đó, phải trả vốn Nhà nước cấp sau cổ phần hóa theo Công văn số 2283/UBND-KTTH ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang “V/v xử lý phần vốn Nhà nước cấp cho Công ty Cổ phần Điện nước An Giang sau cổ phần hóa” là 127.180.292.365 VND.

18. Vay

18a. Vay ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức khác</i>		
Vay ngắn hạn ngân hàng	8.182.937.407	8.608.164.840
Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang ⁽ⁱ⁾	8.182.937.407	8.608.164.840
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh V.18b)	<u>36.880.821.761</u>	<u>42.634.032.011</u>
Cộng	<u>45.063.759.168</u>	<u>51.242.196.851</u>

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

⁽ⁱ⁾ Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang để bổ sung vốn lưu động phục vụ kế hoạch kinh doanh của Công ty với lãi suất được ghi trên từng giấy nhận nợ và được điều chỉnh vào ngày 25 mỗi tháng, với hạn mức 15.000.000.000 VND và thời hạn 12 tháng. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

Chi tiết phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển từ vay dài hạn</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	8.608.164.840	8.182.937.407	-	(8.608.164.840)	8.182.937.407
Vay dài hạn đến hạn trả	42.634.032.011	-	40.608.009.362	(46.361.219.612)	36.880.821.761
Cộng	51.242.196.851	8.182.937.407	40.608.009.362	(54.969.384.452)	45.063.759.168

18b. Vay dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn phải trả các tổ chức khác		
Vay dài hạn ngân hàng	261.021.688.614	284.327.570.970
- Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang ⁽ⁱ⁾	223.395.747.273	239.599.213.545
- Vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Vốn vay từ ADB ⁽ⁱⁱ⁾	13.841.664.341	17.302.080.425
- Vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Vốn vay từ AFD ⁽ⁱⁱⁱ⁾	23.784.277.000	27.426.277.000
Cộng	261.021.688.614	284.327.570.970

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang để thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của các Dự án với lãi suất được ghi trên từng giấy nhận nợ và thời hạn từ 48 tháng đến 72 tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng hình thức thế chấp tài sản (xem thuyết minh V.9) và tài sản hình thành từ vốn vay.
- (ii) Khoản vay vốn từ ADB thông qua Ngân hàng Phát triển Việt Nam để thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của dự án: Nhà máy nước Long Xuyên với lãi suất ở mức 5%/năm tính trên số dư nợ thực tế (đã bao gồm cả phí cho vay lại 0,2%/năm), thời hạn 25 năm (từ năm 2000 đến năm 2025). Khoản vay không có tài sản đảm bảo.
- (iii) Khoản vay vốn từ AFD thông qua Ngân hàng Phát triển Việt Nam để thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của dự án: “Hệ thống cấp nước thị trấn An Phú” với lãi suất trong hạn ở mức 0,3%/năm, lãi suất quá hạn ở mức 7,5%/năm, thời hạn vay là 180 tháng kể từ thời điểm giải ngân đầu tiên. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản gắn liền với đất của dự án Hệ thống cấp nước Thị trấn An Phú.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 01 năm trở xuống	36.880.821.761	42.634.032.011
Trên 01 năm đến 05 năm	230.915.362.306	223.923.570.970
Trên 05 năm	30.106.326.308	60.404.000.000
Cộng	297.902.510.375	326.961.602.981

Chi tiết phát sinh về các khoản vay dài hạn ngân hàng trong kỳ như sau:

Số đầu năm	284.327.570.970
Số tiền vay phát sinh	17.302.127.006
Kết chuyển sang vay ngắn hạn	(40.608.009.362)
Số cuối kỳ	261.021.688.614

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**18c. Vay quá hạn chưa thanh toán**

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong kỳ	Giảm khác	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	11.720.107.268	8.600.000.000	(10.558.214.334)	-	9.761.892.934
Quỹ phúc lợi	1.865.439.674	2.200.000.000	(1.792.960.440)	-	2.272.479.234
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	343.228.800	250.000.000	(272.300.000)	(2.634.000)	318.294.800
Cộng	13.928.775.742	11.050.000.000	(12.623.474.774)	(2.634.000)	12.352.666.968

20. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Chi tiết phát sinh như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	10.154.502.542	9.128.125.250
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	674.456.870	2.242.405.722
Số cuối kỳ	10.828.959.412	11.370.530.972

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả là 20% (cùng kỳ năm trước thuế suất là 20%).

21. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	400.000.000	700.000.000
Số cuối kỳ	400.000.000	700.000.000

22. Vốn chủ sở hữu**22a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 02 đính kèm.

22b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang	494.147.270.000	494.147.270.000
Các cổ đông khác	69.148.400.000	69.148.400.000
Cộng	563.295.670.000	563.295.670.000

22c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	56.329.567	56.329.567
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	56.329.567	56.329.567
- Cổ phiếu phổ thông	56.329.567	56.329.567
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	56.329.567	56.329.567
- Cổ phiếu phổ thông	56.329.567	56.329.567
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

22d. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2021 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2022 số 02NQ/ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 6 năm 2022 như sau:

	<u>Số được phân phối</u>	<u>Số tạm phân phối trong năm trước</u>	<u>Số phân phối trong kỳ này</u>
• Chia cổ tức bằng tiền cho các cổ đông (15%/Vốn điều lệ)	84.494.350.500	-	84.494.350.500
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (18,06% lợi nhuận sau thuế)	20.000.000.000	20.000.000.000	-
• Trích quỹ đầu tư phát triển (5,2% lợi nhuận sau thuế)	5.759.000.000	5.000.000.000	759.000.000
• Trích quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	467.366.000	470.000.000	(2.634.000)

Ngoài ra, theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2022 số 02NQ/ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 6 năm 2022, Công ty đã tạm trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối 6 tháng đầu năm 2022 như sau:

	VND
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	: 10.800.000.000
• Trích quỹ đầu tư phát triển	: 2.800.000.000
• Trích quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	: 250.000.000

Và trong kỳ, Công ty đã chi trả cổ tức cho các cổ đông như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi cổ tức	8.272.600	-

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	<u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu kinh doanh điện	790.543.419.774	757.368.217.921
Doanh thu cung cấp nước sinh hoạt	238.172.572.129	231.574.796.753
Doanh thu bán vật tư	3.273.437.787	4.622.074.412
Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	-	20.394.105.403
Doanh thu cung cấp dịch vụ	961.945.500	1.572.100.808
Cộng	<u>1.032.951.375.190</u>	<u>1.015.531.295.297</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

2. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn kinh doanh điện	660.157.950.314	625.597.613.291
Giá vốn sản xuất và cung cấp nước sinh hoạt	186.051.126.004	171.429.820.048
Giá vốn vật tư	2.772.142.790	4.126.463.467
Giá vốn của thành phẩm bất động sản đã bán	-	7.957.219.436
Giá vốn dịch vụ cung cấp	-	163.611.000
Cộng	848.981.219.108	809.274.727.242

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	528.525.862	1.909.368.919
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	37.755.011	11.725.212
Lãi đầu tư trái phiếu	63.750.000	73.000.000
Cổ tức được chia	20.000.000	20.000.000
Cộng	650.030.873	2.014.094.131

4. Chi phí tài chính

Là chi phí lãi vay Ngân hàng.

5. Chi phí bán hàng

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	43.114.058.711	43.456.067.490
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	14.075.761.524	13.453.020.806
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.296.521.266	9.856.245.791
Các chi phí khác	5.026.391.192	4.591.092.100
Cộng	72.512.732.693	71.356.426.187

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	11.659.431.109	11.721.614.920
Chi phí vật liệu quản lý	9.800.560.051	6.683.322.888
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.391.753.932	2.501.817.292
Chi phí khấu hao tài sản cố định	404.686.364	401.650.179
Thuế, phí và lệ phí	15.000.000	15.000.000
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(49.164.037)	-
Các chi phí khác	10.512.917.767	8.849.006.321
Cộng	33.735.185.186	30.172.411.600

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**7. Thu nhập khác**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ cho thuê trụ	449.105.400	1.001.959.800
Phí Bảo vệ môi trường giữ lại 5%	263.362.725	246.976.222
Phí dịch vụ thoát nước giữ lại 5%	904.762.935	935.348.410
Thu nhập từ thu hồi hàng hóa hư hỏng	646.702.411	128.157.630
Thu bồi thường di dời tài sản	1.623.508.561	40.909.091
Thu nhập từ quản lý, vận hành hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Long Xuyên	-	3.321.281.384
Thu nhập khác	627.885.895	1.033.526.046
Cộng	4.515.327.927	6.708.158.583

8. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí bồi thường, hỗ trợ di dời	1.335.151.847	-
Thuế bị phạt, bị truy thu, chậm nộp	86.306.883	5.568.207
Phạt vi phạm hành chính	50.000.000	-
Chi phí khấu hao các năm trước	189.686.073	-
Chi phí quản lý, vận hành hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Long Xuyên	-	3.262.348.488
Chi phí khác	296.445.425	173.785.467
Cộng	1.957.590.228	3.441.702.162

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	674.456.870	2.242.405.722
Cộng	674.456.870	2.242.405.722

10. Lãi trên cổ phiếu**10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	54.352.938.585	82.026.251.351
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(10.800.000.000)	(18.874.240.436)
Trích quỹ thưởng Ban điều hành, quản lý (*)	(250.000.000)	(250.000.000)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	43.302.938.585	62.902.010.915

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	53.647.445	53.647.445
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	807	1.173

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	53.647.445	53.647.445
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	53.647.445	53.647.445

(*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi và thưởng Ban điều hành, quản lý kỳ này được tạm tính theo tỷ lệ của Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2022 số 02NQ/ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 6 năm 2022.

10b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	102.845.269.459	96.044.889.423
Chi phí nhân công	102.942.883.672	95.019.849.054
Chi phí khấu hao tài sản cố định	49.504.472.421	42.839.647.422
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.415.203.631	22.192.065.261
Chi phí khác	17.807.312.354	17.025.817.675
Cộng	292.515.141.537	273.122.268.835

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt và Ban kiểm soát

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Ông Lương Văn Bạ - Chủ tịch Hội đồng quản trị	512.400.000	649.363.236
Ông Lê Việt Anh - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	369.600.000	464.704.544
Ông Trần Nhất Trí - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	330.300.000	432.877.026
Ông Trương Văn Nghiệm - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	249.700.000	-
Ông Lê Thành Bửu - Thành viên Hội đồng quản trị	155.250.000	269.860.146
Ông Trần Thanh Hoàng - Thành viên Hội đồng quản trị	155.250.000	239.720.000
Ông Lâm Thành Quang - Thành viên Hội đồng quản trị	146.250.000	201.040.000
Ông Nguyễn Tuấn Huy - Thành viên Hội đồng quản trị	209.838.966	231.439.962
Ông Nguyễn Thanh Xuân - Phó Tổng Giám đốc	176.250.000	-
Bà Nguyễn Thị Ngọc Châu - Trưởng Ban kiểm soát	123.840.000	151.980.004
Ông Châu Minh Tú - Thành viên Ban kiểm soát	51.600.000	62.243.600
Ông Trần Lê Minh Hoan - Thành viên Ban kiểm soát	55.007.333	-
Ông Đặng Chánh Nghĩa - Thành viên Ban kiểm soát	-	128.904.000
Cộng	<u>2.535.286.299</u>	<u>2.832.132.518</u>

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ cung cấp.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh điện, cung cấp nước sinh hoạt. Ngoài ra, các hoạt động kinh doanh khác chủ yếu là bán vật tư và dịch vụ... doanh thu từ các hoạt động kinh doanh khác chỉ chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng doanh thu (6 tháng đầu năm 2022 chiếm tỷ trọng khoảng 0,4%). Doanh thu và giá vốn của các hoạt động kinh doanh được trình bày tại thuyết minh số VI.1a và VI.2.

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

An Giang, ngày 09 tháng 8 năm 2022



Dương Quốc Quân
Người lập



Trần Việt Hải
Kế toán trưởng



Lương Văn Bạ
Chủ tịch Hội đồng quản trị

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, xóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Phụ lục 01: Bảng tăng, giảm thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm		Phát sinh trong kỳ			Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Giảm Khác (*)	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	102.077.088	-	10.516.519.984	(8.390.720.739)	-	2.227.876.333	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.322.622.665	-	12.990.276.015	(5.840.541.066)	-	11.472.357.614	-
Thuế thu nhập cá nhân	38.695.362	-	166.512.947	(184.079.869)	-	21.128.440	-
Thuế tài nguyên	1.085.196.057	-	2.248.530.310	(2.962.444.942)	-	371.281.425	-
Tiền thuê đất	342.044.906	-	70.749.102	(412.794.008)	(21.208.842)	-	21.208.842
Các khoản phí, lệ phí và các khoản	19.523.381.277	-	5.393.015.079	(24.072.835.977)	-	843.560.379	-
Cộng	25.414.017.355	-	31.385.603.437	(41.863.416.601)	(21.208.842)	14.936.204.191	21.208.842

(*) Giảm tiền thuê đất năm 2021 theo quyết định số 37/QĐ-CT ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Cục thuế tỉnh An Giang.

An Giang, ngày 09 tháng 8 năm 2022



Dương Quốc Quân
Người lập



Trần Việt Hải
Kế toán trưởng




Lương Văn Bạ
Chủ tịch Hội đồng quản trị



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

Địa chỉ: 821 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Phụ lục 02: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	Cộng
Số dư đầu năm trước	536.474.450.000	91.307.089.232	118.417.839.017	46.089.643.987	792.289.022.236
Tăng trong kỳ trước	-	-	-	12.828.727.133	12.828.727.133
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	82.026.251.351	-	82.026.251.351
Trích lập các quỹ	-	8.202.625.135	(27.326.865.571)	-	(19.124.240.436)
Chia cổ tức	-	-	(53.647.445.000)	-	(53.647.445.000)
Giảm do chuyển sang phải trả Ngân sách Nhà nước	-	-	-	(8.100.900.500)	(8.100.900.500)
Số dư cuối kỳ trước	536.474.450.000	99.509.714.367	119.469.779.797	50.817.470.620	806.271.414.784
Số dư đầu năm nay	563.295.670.000	96.307.089.232	124.800.552.647	38.049.827.400	822.453.139.279
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	54.352.938.585	-	54.352.938.585
Trích lập các quỹ	-	3.559.000.000	(14.609.000.000)	-	(11.050.000.000)
Chia cổ tức	-	-	(84.494.350.500)	-	(84.494.350.500)
Tăng khác	-	-	2.634.000	-	2.634.000
Số dư cuối kỳ này	563.295.670.000	99.866.089.232	80.052.774.732	38.049.827.400	781.264.361.364

Dương Quốc Quân
Người lập

Trần Việt Hải
Kế toán trưởng



An Giang, ngày 09 tháng 8 năm 2022

Lương Văn Bạ
Chủ tịch Hội đồng quản trị